TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 510/2022/DS-PT
Ngày: 29/12/2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh;

Ông Nguyễn Ngọc Vạng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/ DS-ST ngày 12 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 328/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1948;

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Hồ Thanh H, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: khóm Thượng 1, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021) (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957. *(Có đơn xin vắng mặt)*

2. Anh Võ Thanh L, sinh năm 1984. *(Có mặt)*

3. Anh Võ Bá T1, sinh năm 1980. *(Có đơn xin vắng mặt)*

4. Chị Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1988. *(Có đơn xin vắng mặt)*

5. Bà Huỳnh Cẩm V, sinh năm 1975. *(Có mặt)*

6. Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1971. *(Có mặt)*

Cùng cư trú: ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Võ Văn Đ là nguyên đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ và lời trình bày của anh Hồ Thanh H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Vào ngày 04/10/2019 ông Võ Văn Đ có nhận chuyển nhượng một phần đất của anh Võ Văn T (là người chuyển nhượng phần đất) có chiều ngang 05m, chiều dài 25m, diện tích là 125m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất mà anh T chuyển nhượng cho ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do anh T đại diện hộ đứng tên), việc chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay với nhau, giá thỏa thuận là 180.000.000 đồng/125m^2, ông Võ Văn Đ đã giao đủ tiền cho anh Võ Văn T, anh T tự nguyện tháo dở mái che, khung sắt, lợp ton giao đất cho ông Đ, ông Đ nhận đất và quản lý từ năm 2019 đến nay. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về thời gian sang tên cho ông Đ là kể từ thời điểm xóa thế chấp tại Ngân hàng, nhưng kể từ thời điểm năm 2019 đến nay anh Võ Văn T không chịu thực hiện sang tên quyền sử dụng đất qua cho ông Đ, nay ông Đ yêu cầu anh Võ Văn T sang tên quyền sử dụng đất phần đất có chiều ngang 05m, chiều dài 25m, diện tích là 124,9m^2 đất (theo đo đạc thực tế), tọa lạc tại ấp 2, xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp qua cho gia đình ông Đ gồm ông Võ Văn Đ, bà Nguyễn Thị N, anh Võ Thanh L, anh Võ Bá T1 (vì số tiền chuyển nhượng đất của anh T là tài sản chung của cả 04 người trong gia đình ông Đ hùn lại mua).

- ***Bị đơn anh Võ Văn T trình bày:*** Anh và nguyên đơn ông Võ Văn Đ không có quan hệ bà con mà chỉ quen biết ở xóm, vào ngày 04/10/2019 anh và ông Đ có thỏa thuận chuyển nhượng nền nhà với nhau diện tích ngang 05m dài 25m, giá bán là 180.000.000 đồng/125m^2, mục đích chuyển nhượng là lấy tiền hùn nuôi cá lốc với ông Đ, nhưng thực tế thì ông Đ chỉ đưa anh có 150.000.000 đồng, số tiền này để mua cá giống, tiền sửa hầm, múc hầm, trả tiền điện nước, số tiền này anh không có giữ, ông Đ giữ và ông Đ tự chi phí cho việc nuôi cá, do đó thực tế số tiền mà anh chuyển nhượng đất cho ông Đ, thì anh không có giữ mà hùn tiền để nuôi cá lốc với ông Đ, còn số tiền 30.000.000 đồng còn lại đến nay ông Đ không có đưa cho anh. Đối với đất là anh không có giao cho ông Đ, vì khi mua bán hai bên thỏa thuận là khi nào nuôi cá có lợi nhuận mới cất nhà thì lúc đó mới sang tên giấy chứng nhận,

nhưng do nuôi cá lỗ vào năm 2020, (lỗ 1.140.000.000 đồng phần này anh chịu), sang năm 2021 thì nuôi (lỗ lần 02 cũng hơn 01 tỷ phần này thì ông Đ chịu), sau đó thì nghĩ nuôi, thật sự hai bên không có ngồi lại với nhau, nhưng có nói chuyện qua trung gian, vì lúc đó mâu thuẫn, phần lỗ năm 2020 thì anh ra chịu, phần lỗ năm 2021 thì ông Đ chịu số tiền cũng tương đương nhau, còn về đất của ai thì người đó sử dụng, hai bên đã thống nhất như vậy, nên kể từ đó xem như việc chuyển nhượng đất kết thúc. Việc thỏa thuận nuôi cá thì ông Đ ra 02 ao cá khoảng 04 công đất, anh ra tiền múc hầm, mua con giống, trả tiền điện, nước và chi phí khác, còn mua thức ăn cho cá thì mua thiếu của ông Việt bên Tân Châu, sau khi bán cá thì trả tiền thức ăn cho ông Việt, còn lại dư lại thì cả hai chia ra, nhưng anh và ông Đ hùn nuôi lỗ cả hai lần mỗi lần hơn cả tỷ đồng, nay không biết ông Đ vì sao lại kiện anh (các vấn đề thỏa thuận nêu trên chỉ bằng miệng, không có gì chứng minh). Đối với phần đất tranh chấp hiện tại do bà Vân đang quản lý sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì trong quá trình hùn nuôi cá với ông Đ thì anh có vay tiền của bà Huỳnh Cẩm V khoảng 100.000.000 đồng và lúc này anh lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp vay vốn ở ngân hàng thêm 200.000.000 đồng nữa, bà Vân ra tiền trả cho Ngân hàng, cho nên anh nợ bà Vân 300.000.000 đồng, và anh không có khả năng trả nên đã sang tên toàn bộ thửa đất 112 cho bà Vân để trừ nợ. Qua yêu cầu của ông Đ buộc anh sang tên phần đất tranh chấp 124,9m^2 thuộc thửa đất 112, thì anh không còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể sang tên, còn số tiền chuyển nhượng đất thì thực tế như anh trình bày ở trên, nhưng tại phiên tòa anh thừa nhận có nhận đủ 180.000.000 đồng và do đất đã chuyển nhượng hết cho bà Vân nên yêu cầu hủy hợp đồng trên anh đồng ý trả lại tiền cho ông Đ là 180.000.000 đồng.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng T2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai tại hồ sơ như sau:*** Chị là vợ của anh Võ Văn T, ông Đ và anh T chuyển nhượng đất với nhau thì chị không biết, chị chỉ biết anh T và ông Đ có hùn nuôi cá với nhau nhưng thua lỗ, ngoài ra chị không biết gì thêm, trong vụ án này chị không có yêu cầu hay tranh chấp gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có bản khai gửi Tòa án, bà Nê trình bày: Bà là vợ của nguyên đơn ông Võ Văn Đ, vào ngày 04/10/2019 vợ chồng bà có mua đất của anh Võ Văn T, bà thống nhất theo lời trình bày của ông Đ, tiền mua đất của anh T cũng có một phần tiền của bà, nay bà yêu cầu anh T sang tên cho gia đình bà gồm 04 người bà, chồng bà là ông Đ và 02 con Võ Thanh L, Võ Bá T1.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Bá T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có bản khai gửi Tòa án, anh Tòng trình bày: Anh là con của nguyên đơn ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N, vào ngày 04/10/2019 cha mẹ anh có mua nền nhà của anh Võ Văn T, anh thống nhất theo lời trình bày

của cha anh là ông Đ, tiền mua đất của anh T cũng có một phần tiền của anh đi làm thuê gửi về, nay anh yêu cầu anh T sang tên cho gia đình anh gồm anh, cha mẹ anh và Võ Thanh L.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh L trình bày: Anh là con của nguyên đơn ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N, vào ngày 04/10/2019 cha mẹ anh có nền nhà của anh Võ Văn T, anh thống nhất theo lời trình bày của cha anh là ông Đ, tiền mua đất của anh T cũng có một phần tiền của anh đi làm thuê gửi về, nay anh yêu cầu anh T sang tên cho gia đình anh gồm anh, cha mẹ anh và Võ Bá T1.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Cẩm V trình bày: Bà và nguyên đơn ông Võ Văn Đ và bị đơn anh Võ Văn T không có quan hệ bà con. Phần đất tranh chấp giữa ông Đ và anh T hiện nay do vợ chồng bà quản lý và đứng tên quyền sử dụng đất, phần đất này do vợ chồng bà chuyển nhượng của Võ Văn T năm 2021, vì trước đó anh T kêu bán phần đất này, ở gần đó ai cũng biết, bà mua giá là 450.000.000 đồng, diện tích là 1.407m^2(trong đó có phần đất đang tranh chấp), gồm đất thổ và trồng cây lâu năm. Trước khi chuyển nhượng phần đất này bà không biết là anh T và ông Đ có mua bán với nhau phần đất ngang 05m, dài 25m. Cụ thể là do trước đây anh T có hỏi tiền vay của bà hơn 70.000.000 đồng, sau đó hai bên mới thỏa thuận chuyển nhượng hết phần đất tại thửa 112 với giá 300.000.000 đồng, nhưng lúc thỏa thuận thì anh T thế chấp vay Ngân hàng 200.000.000 đồng, nên bà mới đưa anh T 200.000.000 đồng để trả Ngân hàng và đưa thêm hơn 20.000.000 đồng cho đủ 300.000.000 đồng, sau đó anh T không chịu sang tên cho bà, nên bà kiện Toàn ra Tòa án huyện Hồng Ngự để đòi lại tiền 300.000.000 đồng, tại Tòa án hai bên hòa giải thành anh T đồng ý trả lại cho bà là 300.000.000 đồng (có Quyết định Công nhận hòa giải thành của Tòa án huyện Hồng Ngự), nhưng sau đó anh T không có tiền trả cho bà (thi hành án), nên bà yêu cầu kê biên tài sản của anh T là thửa đất 112, Toàn đồng ý kê biên nhưng hẹn hết mùa cá sẽ bán cá trả tiền cho bà, còn nếu không có tiền thì đồng ý giao đất, cuối cùng thì anh T đồng ý giao đất và sang tên cho bà thửa đất 112, khi này bà có trả thêm cho Toàn 150.000.000 đồng nữa (lúc này giá thỏa thuận tại thi hành án là 450.000.000 đồng), nên hiện nay bà đứng tên thửa đất 112 và sử dụng phần đất này. Qua yêu cầu của ông Đ yêu cầu anh T sang tên diện tích 124,9m^2, thuộc một phần thửa 112, tờ bản đồ số 13, do bà đang đứng tên thì bà không đồng ý, vì đất này được chuyển nhượng qua thủ tục thi hành án hợp pháp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H1 trình bày: Anh thống nhất lời khai của vợ anh là bà Huỳnh Cẩm V không bổ sung gì thêm.

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Văn Đ, về việc yêu cầu anh Võ Văn T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, với

diện tích: 124,9m^2, thuộc 1 phần thửa 112, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn Đ với anh Võ Văn T *(giấy đánh máy ngày 04/10/2019 – tiêu đề: GIẤY HỢP ĐỒNG "V/v mua bán đất nền nhà")* là vô hiệu.

3. Buộc anh Võ Văn T, chị Nguyễn Thị Hồng T2 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Võ Văn Đ, bà Nguyễn Thị N, anh Võ Bá T1, anh Võ Thanh L tổng cộng số tiền là: 183.143.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), *(trong đó: 180.000.000 đồng - tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã bị vô hiệu và 3.143.000 đồng - tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đất tranh chấp).*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông Võ Văn Đ là nguyên đơn kháng cáo 42/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với quyết định bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Võ Văn Đ với bị đơn là anh Võ Văn T về việc chuyển nhượng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Phần đất các bên đang có tranh chấp tọa lạc tại xã T, Huyện Hồng Ngự nên Tòa án huyện Hồng Ngự thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại tại khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ về việc không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Phần đất tranh chấp có diện tích: 124,9m^2, thuộc 1 phần thửa 112, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, (hiện do hộ bà Huỳnh Cẩm V quản lý và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, cấp ngày 16/11/2021).

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ, anh T đều thừa nhận hai bên đã thỏa thuận chuyển nhượng một phần đất có diện tích: 124,9m^2, thuộc 1 phần thửa 112, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, với giá tiền là 180.000.000 đồng. Tuy nhiên, chỉ thỏa thuận bằng trên giấy, chưa giao đất cho ông Đ sử dụng, vì trên đất có căn nhà của anh T đang ở; Anh T đã dùng số tiền này để hùn nuôi cá với ông Đ; sau đó, hai bên bị thua lỗ, phải vay mượn nợ nhiều nơi. Vì vậy, hộ anh T đã chuyển nhượng hết đất cho bà Huỳnh Cẩm V theo Quyết định của Tòa án về việc công nhận hòa giải thành và theo thủ tục thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đúng trình tự, thủ tục theo quy định và bà Vân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 16/11/2021, nên bà Vân đã quản lý sử dụng đất kể từ đó đến nay. Còn đối với ông Đ mặc dù có thỏa thuận chuyển đất với anh T nhưng anh T cũng chưa giao đất cho ông Đ quản lý sử dụng; đồng thời việc thỏa thuận chuyển nhượng cũng vi phạm về mặt hình thức. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông Đ và anh T là vô hiệu, buộc anh T trả lại cho ông Đ số tiền đã nhận là 180.000.000đ là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T đồng ý trả thêm 50.000.000đ giá trị hợp đồng cho bên ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của anh T, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với, hậu quả của hợp đồng vô hiệu đã được cấp sơ thẩm xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T nên sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên ông Đ không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165; khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ.

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Văn Đ, về việc yêu cầu anh Võ Văn T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, với diện tích: 124,9m^2, thuộc 1 phần thửa 112, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn Đ với anh Võ Văn T *(giấy đánh máy ngày 04/10/2019 – tiêu đề: GIẤY HỢP ĐỒNG "V/v mua bán đất nền nhà")* là vô hiệu.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Văn T, chị Nguyễn Thị Hồng T2 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Võ Văn Đ, bà Nguyễn Thị N, anh Võ Bá T1, anh Võ Thanh L tổng cộng số tiền là: 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu đồng), *(trong đó: 180.000.000 đồng – hổ trợ thêm 50.000.000đ).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoảng tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Võ Văn T, chị Nguyễn Thị Hồng T2 liên đới nộp 11.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Văn Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi), đối với tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do đã được miễn, nên không xem xét xử lý.

- Những đương sự còn lại trong vụ án không phải nộp án phí sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Anh Võ Văn T, chị Nguyễn Thị Hồng T2 liên đới nộp 3.143.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho ông Võ Văn Đ.

- *Về án phí phúc thẩm:*

Ông Võ Văn Đ không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Hồng Ngự;
- Chi cục THADS H. Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh